

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện

Căn cứ Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lai Châu, UBND huyện Tam Đường xây dựng Kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện hiệu quả, đúng mục tiêu Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tạo sự chuyển biến, phát triển mạnh mẽ kinh tế số và xã hội số trên địa bàn huyện; phấn đấu đưa Tam Đường thuộc nhóm huyện có thứ hạng cao về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

Giúp cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn, tổ chức, doanh nghiệp căn cứ để triển khai phát triển kinh tế số và xã hội số trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phát triển kinh tế số

1.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 10% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 5%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 5%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 50%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 20%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

1.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP của huyện.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2. Phát triển xã hội số

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 50%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang đạt 50%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 70%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 60%.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 60%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 50%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 90%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

1.1. Phát triển hạ tầng

- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển hạ tầng số sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các tổ khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực vùng sâu vùng xa; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Triển khai Nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.2. Phát triển nền tảng số: Nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy, phát triển nền tảng số quốc gia theo các kế hoạch, hướng dẫn của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và tỉnh.

1.3. Phát triển dữ liệu số: Nghiên cứu xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp huyện, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối liên thông với dữ liệu của các sở, ban, ngành tỉnh, mở chia sẻ dữ liệu để tập

hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.4. Đảm bảo an toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản, đảm bảo mỗi người dân có phần mềm bảo vệ cơ bản và có kỹ năng, kiến thức cơ bản về an toàn thông tin để phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

1.5. Phát triển nhân lực số

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”. Triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy học từ làm việc thực tế, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

- Rà soát và cử cán bộ tham gia chương trình đào tạo 1.000 chuyên gia chuyển đổi số và các hoạt động của mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số quốc gia đảm bảo đến năm 2025 đào tạo được tối thiểu 03 - 05 chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số.

- Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

1.6. Phát triển kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho học sinh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Triển khai nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

1.7. Doanh nghiệp số

- Nghiên cứu triển khai “Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam” đảm bảo phù hợp, hiệu quả trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo Kế hoạch số 1198/KH-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030.

- Triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn huyện; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số.

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyên phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Triển khai Nền tảng quản trị tổng thể, Nền tảng kế toán dịch vụ, Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, Nền tảng thương mại số nông nghiệp, Nền tảng trí tuệ nhân tạo, Nền tảng trợ lý ảo, Nền tảng thiết bị IoT.

1.8. Phát triển thanh toán số

- Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 4475/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Hoàn thiện kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử với hạ tầng của các cơ quan Thuế, Kho bạc.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp. Hướng dẫn, triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

- Triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch điện tử.

- Triển khai triệt để việc thu học phí, lệ phí, các khoản thu khác và chi trả chế độ cho học sinh, tiền lương cho giáo viên tại các cơ sở giáo dục, thu viện phí, phí dịch vụ khám chữa bệnh, chi trả tiền lương, tiền công cho y bác sỹ, người lao động tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện bằng phương thức không dùng tiền mặt (*triển khai sử dụng tài khoản ngân hàng, sử dụng dịch vụ thu hộ của các ngân hàng thương mại, các nhà mạng điện thoại di động...*) nhằm minh bạch hóa việc thu chi, quản lý tài chính tại các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, đồng thời góp phần thúc đẩy chuyển đổi số.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

2.1. Nông nghiệp và nông thôn

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân; triển khai các dịch vụ bảo hiểm mùa vụ, phòng ngừa rủi ro cho nông dân.

- Xây dựng CSDL về trồng trọt, thủy lợi; Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, giám sát minh bạch thông tin, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn huyện; Hệ thống phát hiện sớm các điểm cháy rừng; Hệ thống cảnh báo cháy rừng;

Trạm quan trắc giám sát, bảo vệ rừng; Hệ thống phân vùng trọng điểm cháy rừng; Thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi và thủy sản trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho người nông dân theo hướng tuyên truyền, phổ biến qua phương tiện truyền thông cơ sở; qua hệ thống hội nông dân các cấp; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện; hỗ trợ đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp truyền thống lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

2.2. Y tế

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; các nền tảng số trong lĩnh vực y tế (*Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; hồ sơ bệnh án điện tử; nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử, nền tảng quản trị y tế thông minh; nền tảng quản lý xét nghiệm; nền tảng quản lý tiêm chủng; nền tảng giám sát dịch bệnh; nền tảng quản lý trạm y tế xã; nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân; nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến; nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế; nền tảng an toàn thực phẩm và nền tảng quản lý môi trường y tế*) theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh triển khai triệt để việc thu viện phí, các khoản thu dịch vụ khám chữa bệnh và chi trả tiền lương, tiền công cho y bác sỹ, người lao động tại các cơ sở y tế trên địa bàn bằng phương thức không dùng tiền mặt (*triển khai sử dụng tài khoản ngân hàng, sử dụng dịch vụ thu hộ của các ngân hàng thương mại, các nhà mạng điện thoại di động,...*) nhằm minh bạch hóa việc thu chi, quản lý tài chính tại các cơ sở y tế, đồng thời góp phần thúc đẩy chuyển đổi số.

2.3. Giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, giáo viên, từ đó hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số, bảo đảm chất lượng cho việc thi cử trực tuyến.

- Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy.

- Đẩy mạnh triển khai triệt để việc thu học phí, lệ phí, các khoản thu khác và chi trả chế độ cho học sinh, tiền lương cho giáo viên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh bằng phương thức không dùng tiền mặt (*triển khai triển khai sử dụng tài khoản ngân hàng, sử dụng dịch vụ thu hộ của các ngân hàng thương mại, các nhà mạng điện thoại di động,...*) nhằm minh bạch hóa việc thu chi, quản lý tài chính tại các cơ sở giáo dục, đồng thời góp phần thúc đẩy chuyển đổi số.

2.4. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Hình thành nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động.

- Triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm đảm bảo đầy đủ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh, xã hội, thống nhất, dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2.5. Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả. Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện

tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất điện năng.

- Số hóa, xây dựng hạ tầng điện chiếu sáng công cộng trên nền GIS; triển khai lắp đặt hệ thống cảm biến, thiết bị IoT trên toàn bộ hạ tầng điện chiếu sáng công cộng, quản lý và giám sát tập trung, điều khiển tự động.

- Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người dân đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, tham gia các sàn thương mại điện tử có uy tín, có thị phần lớn như: Voso.vn, Postmart.vn, Tiki.vn, Lazada.vn, Shopee.vn, Chotot.com...; các nền tảng thương mại điện tử; xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới để quảng bá, giới thiệu và xuất khẩu sản phẩm hàng hóa trên môi trường mạng. Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, các sản phẩm nông nghiệp nông thôn và các sản phẩm du lịch tiêu biểu của huyện.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

2.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch; điều tra, đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch trên địa bàn huyện.

- Triển khai Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến.

- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; triển khai nền tảng mô hình hóa đa chiều, ứng dụng công nghệ số để tăng trải nghiệm cho khách du lịch.

- Triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số. Triển khai mạng lưới hệ thống bảo tàng số, kết nối, chia sẻ tài nguyên tri thức từ hệ thống tư liệu tại các bảo tàng trên cả nước.

2.7. Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng năng lượng tái tạo và carbon thấp, thân thiện với môi trường.

- Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai

thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

- Tổ chức hoạt động hiệu quả, phát huy tác dụng của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số huyện Tam Đường.

- Chỉ đạo tăng cường hoạt động, phát huy tác dụng của các Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, bản với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”.

2. Hợp tác

- Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyên gia công nghệ số vào huyện.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ huyện đến cơ sở. Triển khai các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

- Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số

4. Đo lường, giám sát triển khai: Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này.

5. Bảo đảm kinh phí: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

- Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở huyện; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của huyện. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số.

- Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, triển khai các nội dung sau:

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của huyện: Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, giám sát tiến độ, chất lượng triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

- Làm đầu mối phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện liên quan, UBND các xã, thị trấn, các doanh nghiệp Buru chính, Viễn thông trên địa bàn triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Tham gia ý kiến về các nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trong các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch.

- Nắm tình hình, đôn đốc, tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số huyện, lồng ghép trong các báo cáo về chuyển đổi số hằng năm hoặc báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của các cơ quan cấp trên.

- Tổng hợp, đề xuất điều chỉnh các nội dung phù hợp với các định hướng, chính sách của Trung ương, tỉnh và yêu cầu thực tế phát triển của huyện.

- Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND huyện các giải pháp thu hút nguồn lực và các nguồn hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh để thực hiện thành công Kế hoạch.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký thành lập doanh nghiệp công nghệ số. Triển khai thực hiện

kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp công nghệ số trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch này phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Chi nhánh ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn hướng dẫn, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể trên địa bàn huyện đẩy mạnh thanh toán bằng phương thức không dùng tiền để minh bạch hóa trong công tác thu chi, quản lý tài chính.

4. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn huyện

Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với huyện tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

5. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ tình hình cụ thể, các cơ quan, đơn vị đưa các nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch này vào nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hàng năm của mình.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) gửi báo cáo UBND huyện (*qua Phòng Văn hóa và Thông tin huyện*) tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (B/c);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các P.CT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Sùng Lữ Páo